

Số: 51 /2011/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 8 năm 2011

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỤC CN ĐỊA PHƯƠNG

**ĐẾN** Số: 6042  
Ngày: 17/8/11  
huyện:

**QUYẾT ĐỊNH**

**ĐẾN** Số: 1835  
Ngày: 18/8/11  
Chuyên:

Ban hành Quy định về việc hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp tham gia Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg ngày 23/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007-2010, tầm nhìn đến năm 2020 và một số chính sách khuyến khích phát triển;

Căn cứ Quyết định số 73/2008/QĐ-TTg ngày 04/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BCT ngày 14/3/2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn một số nội dung quy định tại Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg ngày 23/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007-2010, tầm nhìn đến năm 2020 và một số chính sách khuyến khích phát triển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1102/TTr-SCT ngày 27/7/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp tham gia Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

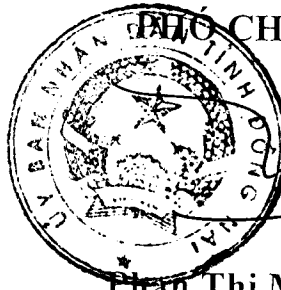
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Giao thông - Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Lao động, Thương

binh và xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Cục Hải quan, Cục Thống kê, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tham gia Chương trình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**ĐẠI CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Phan Thị Mỹ Thanh**

## QUY ĐỊNH

Về việc hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp, cơ sở  
sản xuất công nghiệp tham gia Chương trình chuyển dịch cơ cấu  
ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 51 /2011/QĐ-UBND  
ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Hỗ trợ một phần kinh phí cho hoạt động của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất thuộc mọi thành phần kinh tế sản xuất sản phẩm công nghiệp thuộc ngành nghề theo Danh mục ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển và các đơn vị liên quan tham gia Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 được UBND tỉnh phê duyệt.

#### Điều 2. Các nguồn kinh phí hỗ trợ

Các nguồn kinh phí hỗ trợ được sử dụng từ các nguồn sau: nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ tỉnh; nguồn kinh phí sự nghiệp khuyến công tỉnh; Nguồn kinh phí sự nghiệp xúc tiến đầu tư tỉnh, xúc tiến thương mại tỉnh, nguồn hỗ trợ phát triển từ các sở, ngành tỉnh và các nguồn khác (nếu có).

#### Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần thông qua đơn vị chủ trì chương trình. Kinh phí hỗ trợ phải được sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả. Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tiếp nhận hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình phải chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Đơn vị chủ trì chương trình là đầu mối xây dựng, chủ trì thực hiện chương trình và tiếp nhận hỗ trợ kinh phí theo quy định.

3. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp tham gia Chương trình được hỗ trợ một phần kinh phí theo thứ tự ngành nghề ưu tiên như sau: (1) ngành công nghiệp mũi nhọn, (2) ngành công nghiệp ưu tiên phát triển.

4. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chỉ được hỗ trợ 01 lần/năm và khi chưa được hỗ trợ từ nguồn khác của ngân sách tỉnh. Trong trường hợp cùng nội dung hỗ trợ nếu có các qui định khác do cơ quan thẩm quyền ban hành mức hỗ trợ cao hơn thì các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất sẽ được hưởng theo mức hỗ trợ của quy định đó.

5. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thuộc các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn phải có doanh thu sản xuất công nghiệp của các sản phẩm công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn tối thiểu bằng 50% tổng doanh thu sản xuất công nghiệp của chính doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.

6. Việc quản lý kinh phí hỗ trợ thực hiện đúng theo quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước. Các trường hợp sử dụng nguồn hỗ trợ sai mục đích hoặc không đúng đối tượng thì sẽ bị thu hồi.

## **Chương II** **NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ**

### **Điều 4. Hỗ trợ đầu tư**

1. Hỗ trợ 100% tổng chi phí cho các hoạt động xúc tiến đầu tư, gồm: Xây dựng thông tin, tổ chức quảng bá; Tổ chức các đoàn đi xúc tiến đầu tư nước ngoài; Tổ chức các hội thảo, hội nghị đầu tư theo quy định chế độ chi tiêu và quyết toán đối với Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia được Bộ Tài chính công bố hàng năm, nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí xúc tiến đầu tư tỉnh. Trong đó, thứ tự ưu tiên hỗ trợ chi phí cho các hoạt động xúc tiến đầu tư như sau:

- Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn trên địa bàn thành phố Biên Hoà, huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom.

- Ưu tiên thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển trên địa bàn các huyện còn lại.

2. Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh, lựa chọn ngành nghề thu hút đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp giai đoạn 2011-2015. Nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí cho đơn vị chủ trì.

### 3. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp

a) Hỗ trợ thí điểm đầu tư hạ tầng mỗi huyện một cụm công nghiệp (ưu tiên lựa chọn các cụm công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết) cho UBND các huyện Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, nhằm tạo điều kiện cho các huyện trong việc mời gọi đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và thu hút các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển. Các nội dung hỗ trợ gồm: hỗ trợ ứng trước một phần kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án bồi thường chi tiết do cấp có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ chi phí lập thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và 1/2000; hỗ trợ một phần chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các cụm công nghiệp còn lại trên địa bàn tỉnh: Hỗ trợ một phần chi phí lập thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và 1/2000 nếu chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết và chưa được hỗ trợ từ ngân tỉnh.

c) Mức hỗ trợ

- Về kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: Ngân sách tỉnh hỗ trợ ứng trước một phần kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án bồi thường chi tiết do cấp có thẩm quyền phê duyệt cho UBND huyện có cụm công nghiệp được hỗ trợ, để UBND huyện tạo đất sạch mời gọi nhà đầu tư. Mức hỗ trợ cụ thể từng dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp do Ban Chỉ đạo Chương trình được UBND tỉnh thành lập xem xét, đề nghị trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách tỉnh hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt. UBND huyện có trách nhiệm thu hồi dần từ đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp trong thời gian là 5 năm kể từ khi cụm công nghiệp đi vào hoạt động. Nhà đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp phải cam kết trả dần trong 5 năm kể từ khi cụm công nghiệp đi vào hoạt động.

- Chi phí lập thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và 1/2000: Vận dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17/6/2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công. Mức hỗ trợ tối đa 100% chi phí lập thiết kế quy hoạch chi tiết được phê duyệt, nhưng không quá 350 triệu đồng/cụm công nghiệp.

- Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp: Hỗ trợ tối đa 60% chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp (vận dụng theo quy định tại Thông tư số 113/2006/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài chính), nhưng không vượt mức 10 tỷ đồng/cụm công nghiệp, mức hỗ trợ cụ thể từng dự án cụm công nghiệp do Ban Chỉ đạo Chương trình được UBND tỉnh thành lập xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt, nhằm hỗ trợ phí sử dụng hạ tầng cụm công nghiệp cho các cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển đầu tư vào cụm công nghiệp thông qua nhà đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, đồng thời tạo điều kiện cho các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp nhanh chóng lấp đầy diện tích cho thuê trong cụm công nghiệp. Nhà đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp phải cam kết với chính quyền địa phương (UBND các huyện) giảm phí sử dụng hạ tầng cho các cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển đầu tư vào cụm công nghiệp đúng bằng mức hỗ trợ của nhà nước cho nhà đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, mức phí sử dụng hạ tầng được tính toán trên cơ sở giảm đều mức kinh phí hỗ trợ trên một đơn vị  $1m^2$  diện tích đất trong cụm công nghiệp.

d) Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách tỉnh cân đối, bổ sung cho nguồn kinh phí khuyến công hàng năm.

4. Ưu tiên hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp tham gia Chương trình để đầu tư các hạng mục công trình bảo vệ môi trường như đầu tư công nghệ xử lý nước thải, chất thải nguy hại hoặc đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường. Nguồn kinh phí từ nguồn Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh.

## **Điều 5. Hỗ trợ phát triển thị trường**

### **1. Hỗ trợ thiết kế, xây dựng Website**

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp tham gia Chương trình được ưu tiên hỗ trợ thiết kế, xây dựng 01 Website nhằm quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường, mức kinh phí hỗ trợ cụ thể và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định ban hành “Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011-2015”.

2. Hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm, thông tin thị trường và các hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh theo Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm

a) Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp tham gia các hội chợ triển lãm trong nước, sẽ được hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng; riêng các hội chợ triển lãm xuất khẩu trong nước sẽ được hỗ trợ 50% chi phí cấu thành gian hàng (kể cả chi phí thuê mặt bằng, dàn dựng, dịch vụ điện nước, vệ sinh, bảo vệ, v.v. ) trên cơ sở giá đấu thầu hoặc lấy giá xây dựng gian hàng của những năm trước làm cơ sở tính toán và 100% chi phí tuyên truyền quảng bá.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí cho đơn vị xây dựng cơ sở dữ liệu về năng lực xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và dự báo nhu cầu ở một số thị trường xuất khẩu trọng điểm đối với những sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm ngành công nghiệp mũi nhọn và ngành công nghiệp ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh, để cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để có định hướng tốt trong việc phát triển thị trường xuất khẩu.

c) Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp tham gia Chương trình sẽ được ưu tiên xem xét hỗ trợ theo Chương trình xúc tiến thương mại của Tỉnh hàng năm được xây dựng theo quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

d) Nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh và nguồn kinh phí sự nghiệp khuyến công tỉnh.

### **Điều 6. Hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ, tiết kiệm năng lượng**

1. Ưu tiên hỗ trợ cho vay lãi suất ưu đãi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh (do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý) để các doanh nghiệp thực hiện dự án hoàn thiện công nghệ (sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới, quy trình mới, đổi mới thiết bị công nghệ,...) trong trường hợp dự án được Hội đồng thẩm định của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh đánh giá dự án có tính khả thi cao.

2. Đối với các dự án sản xuất thử nghiệm các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển không nằm trong kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước sẽ được hỗ trợ có thu hồi dưới 50% vốn cho các dự án; Hỗ trợ không thu hồi không quá 30% kinh phí cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp sản xuất sản phẩm ngành công nghiệp mũi nhọn, ngành công nghiệp ưu tiên phát triển thuộc hướng khoa học và công nghệ ưu tiên của Nhà nước (theo quy định tại Thông tư số 03/2008/TT-BCT ngày 14/03/2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn một số nội dung quy định tại Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg ngày 23/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về

phê duyệt danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007-2010, tầm nhìn đến năm 2020 và một số chính sách khuyến khích phát triển). Nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ tỉnh.

3. Các đối tượng tham gia Chương trình được ưu tiên hỗ trợ nghiên cứu, đầu tư đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển giao công nghệ và tiết kiệm năng lượng, cụ thể:

a) Hỗ trợ thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, nghiên cứu cải tiến, đổi mới thiết bị công nghệ; nghiên cứu chế tạo nguyên vật liệu mới, sử dụng nguyên vật liệu trong nước thay cho nhập khẩu; nghiên cứu ứng dụng khoa học vào sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu thực hiện các dự án sản xuất sạch hơn.

b) Hỗ trợ tư vấn khoa học công nghệ như: Tư vấn đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ; tư vấn ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào trong thực tế sản xuất, kinh doanh. Tư vấn thực hiện chuyển giao và áp dụng các phần mềm quản lý công nghệ thông tin. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ tiên tiến hơn so với công nghệ cũ.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện tiết kiệm năng lượng: Hỗ trợ xây dựng, ứng dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng vào trong sản xuất kinh doanh. Hỗ trợ tiến hành thực hiện kiểm toán năng lượng và lập báo cáo khả thi đề xuất các giải pháp kỹ thuật cần thiết để thực hiện tiết kiệm năng lượng. Hỗ trợ đào tạo các cán bộ kiểm toán năng lượng, chuyên gia quản lý tiết kiệm năng lượng.

d) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể và nguồn kinh phí hỗ trợ đối với các nội dung hỗ trợ tại điểm a), b), c) khoản 3 Điều này theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định ban hành “Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011-2015” và nguồn kinh phí hỗ trợ từ chương trình mục tiêu Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm do Bộ Công Thương cấp cho tỉnh.

### **Điều 7. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực**

1. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện đào tạo khởi sự doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nguyện vọng thành lập doanh nghiệp, đào tạo cán bộ quản lý của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, nhằm nâng cao năng lực quản lý. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định tại Thông tư 125/2009/TTLT/BTC-BCT ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và Thông tư số 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 31/3/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp khuyến công tỉnh và nguồn hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 31/03/2009 của Chính phủ.

2. Hỗ trợ cho người lao động thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, cận nghèo (theo chuẩn của tỉnh Đồng Nai) tham gia Chương trình, với mức hỗ trợ 100% học phí để học nghề thuộc nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn, 80% học phí để học nghề thuộc nhóm

ngành công nghiệp ưu tiên phát triển thông qua hợp đồng cung cấp lao động kỹ thuật cao giữa các đơn vị có chức năng đào tạo nghề và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất sản phẩm ngành công nghiệp mũi nhọn, ưu tiên tại các khu, cụm công nghiệp, giá học phí được tính theo yêu cầu đặt hàng đào tạo lao động kỹ thuật cao, mức tối đa 20 triệu đồng/khóa/người (khóa học dưới 12 tháng). Nguồn kinh phí từ nguồn đào tạo nghề cho lao động nông thôn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

3. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện đào tạo nghề, nâng cao tay nghề (ưu tiên đào tạo các ngành nghề kỹ thuật thuộc nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn), mức hỗ trợ được vận dụng như đối với mức hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn (3 tháng) đối với lao động nông thôn quy định tại Quyết định số 1071/QĐ-UBND, ngày 25/04/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành khung định mức kinh phí theo nhóm ngành nghề đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Nguồn kinh phí từ nguồn đào tạo nghề cho lao động nông thôn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và nguồn kinh phí sự nghiệp khuyến công.

### **Điều 8. Hỗ trợ về nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp**

1. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp tham gia Chương trình được ưu tiên hỗ trợ xây dựng các hệ thống quản lý tiên tiến, các công cụ cải tiến năng suất chất lượng; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia, cụ thể:

a) Hỗ trợ tập huấn, đào tạo các chuyên gia về đánh giá nội bộ các hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ quản lý tiên tiến, kỹ năng về quản lý và điều hành doanh nghiệp, đào tạo về việc áp dụng các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp.

b) Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý an ninh thông tin ISO/IEC 27001, GlobalGAP, hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM; hệ thống quản lý môi trường ISO 14001; hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, hệ thống quản lý liên quan đến trách nhiệm xã hội ISO 26000, SA 8000; hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001; hệ thống quản lý phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn ISO/IEC 17025; tiêu chuẩn quốc tế về quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18000; VietGAP, tiêu chuẩn ISO 9004; các công cụ khác như Kaizen, 07 công cụ thống kê, 5S....

c) Hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm; hỗ trợ thực hiện đánh giá hợp chuẩn, hợp quy đối với các sản phẩm; xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm đặc thù và hỗ trợ thực hiện thiết lập kế hoạch đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp phù hợp và tuân thủ theo tiêu chuẩn đã đề ra.

d) Hỗ trợ thực hiện kiểm toán năng suất chất lượng và xây dựng các giải pháp cải tiến năng suất chất lượng; Hỗ trợ khen thưởng, khuyến khích các doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

e) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể và nguồn kinh phí hỗ trợ đối với các nội dung hỗ trợ tại điểm a), b), c), d) khoản 1 Điều này theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định ban hành “Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ các tổ



chức, doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011-2015”.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thực hiện các hợp đồng tư vấn trong các lĩnh vực: quản lý sản xuất; thiết kế, phát triển sản phẩm; lập dự án đầu tư; marketing; tài chính, kế toán, nhân lực vận dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 17/6/2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công. Mức hỗ trợ 50% chi phí thuê tư vấn, nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/doanh nghiệp, cơ sở/năm. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp khuyến công tỉnh.

### **Điều 9. Hỗ trợ phát triển sản phẩm**

1. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đăng ký bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ: đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích trong nước; kiểu dáng công nghiệp trong nước; nhãn hiệu hàng hóa trong nước; nhãn hiệu hàng hóa đăng ký ở nước ngoài. Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định ban hành “Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011-2015”.

2. Hỗ trợ 100% kinh phí cho đơn vị tổ chức cuộc thi sáng tạo kiểu dáng hàng thủ công-mỹ nghệ, tổ chức xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề về địa phương, tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất công nghiệp. Nguồn kinh phí từ nguồn sự nghiệp khuyến công tỉnh.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 10. Trách nhiệm của Sở Công Thương**

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, địa phương có liên quan triển khai quy định này đến các đơn vị, đối tượng có liên quan. Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp phối hợp thực hiện và đề xuất xử lý, thu hồi nguồn hỗ trợ sử dụng sai mục đích, không đúng đối tượng hỗ trợ.

2. Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện quy định này.

### **Điều 11. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính**

1. Cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng tham gia Chương trình, giám sát việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ và thực hiện quản lý tài chính đúng theo quy định của Nhà nước.

2. Phối hợp với Sở Công Thương, các Sở ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định này, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý, thu hồi nguồn hỗ trợ sử dụng sai mục đích, không đúng đối tượng hỗ trợ.

### **Điều 12. Trách nhiệm của các Sở ngành, địa phương liên quan**

1. Phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương trong việc hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định này.

2. Định kỳ 6 tháng, năm thông báo về Sở Công Thương kết quả triển khai thực hiện quy định này và kết quả quản lý, thực hiện nguồn hỗ trợ do đơn vị mình quản lý.

**Điều 13.** Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp tham gia chương trình có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí theo đúng nội dung hỗ trợ và chịu sự kiểm tra giám sát của các cơ quan liên quan được quy định trong Quy định này.

**Điều 14.** Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan liên quan và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có trách nhiệm báo cáo về các cơ quan, đơn vị chủ trì, đề Sở Công Thương tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo phù hợp với lộ trình cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Việt Nam./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thị Mỹ Thanh